

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 254/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 04 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết
Khu Đô thị mới Phú Hưng, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng; Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Hà Giang, tỉnh Hà Giang đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Hưng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc giao Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Phú Hưng;

Căn cứ Văn bản số 3139/UBND-KTTH ngày 02 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Thực hiện Kết luận của Thường trực UBND tỉnh



về chủ trương điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Hưng, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Hưng, tỷ lệ 1/500;

Thực hiện Văn bản số 269-CV/TU ngày 08 tháng 01 năm 2021 trích Kết luận số 26-KL/TU ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Thường trực Tỉnh ủy về việc đề nghị thông qua đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Hưng;

Thực hiện Kết luận số 474-KL/BCSD ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh về Tờ trình số 266/TTr-SXD ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Sở Xây dựng về đề nghị phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Hưng, tỷ lệ 1/500;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 473/BC-SXD ngày 30 tháng 11 năm 2020; Tờ trình số 266/TTr-SXD ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo số 14/BC-SXD ngày 15 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu Đô thị mới Phú Hưng với các nội dung sau:

- 1. Tên đồ án:** Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết Khu Đô thị mới Phú Hưng.
- 2. Loại quy hoạch:** Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500.
- 3. Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.
- 4. Nguồn vốn lập quy hoạch:** Vốn chủ đầu tư.
- 5. Địa điểm quy hoạch:** Tổ 1, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang và thôn Bản Lấp, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.
- 6. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:**
 - Ranh giới sử dụng đất được xác định và giới hạn như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Sông Lô;
 - + Phía Nam giáp: huyện Vị Xuyên;
 - + Phía Đông giáp: Nghĩa trang Cầu Phát;
 - + Phía Tây giáp: Sông Lô.
 - Tổng diện tích khu vực nghiên cứu quy hoạch: 61,74ha.
 - Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch: 49,95 ha.
 - Quy mô dân số dự kiến: 4.700 người.
- 7. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch:**
 - Tính chất: Là khu đô thị mới gồm tổ hợp các công trình nhà ở, công trình công cộng, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao, công viên cây xanh.
 - Mục tiêu:

+ Tạo nên một khu đô thị mới hiện đại bảo đảm sự đồng bộ và hoàn thiện về hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; Tạo quỹ đất phát triển khu dân cư, tăng quỹ đất ở, đất chuyên dụng bao gồm các khu dịch vụ, thương mại, các khu công cộng...cho thành phố Hà Giang nói riêng và tỉnh Hà Giang nói chung. Tạo môi trường sống tiện nghi, an toàn và bền vững, nâng cao chất lượng sống của người dân khu vực và vùng lân cận.

+ Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai công tác quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch, là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng.

+ Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất các biện pháp để giảm thiểu các ảnh hưởng xấu đến môi trường đô thị, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

- Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại hình, chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Mật độ XD (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	151.975,5					30,42
-	<i>Đất ở liền kề</i>	77.748,2	62.198,56	4	80	3,2	15,56
-	<i>Đất ở biệt thự</i>	42.660,2	25.596,12	3	60	1,8	8,54
-	<i>Đất ở xã hội</i>	31.567,1	25.253,68	4	80	3,2	6,32
2	Đất cây xanh	111.372,8					20,29
-	<i>Cây xanh đô thị</i>	99.087,3					19,83
-	<i>Cây xanh đơn vị ở</i>	5.821,2					1,17
-	<i>Đất cây xanh cách ly</i>	6.464,3					1,29
3	Đất du lịch sinh thái	70.177,8		2	20	0,4	14,05
4	Đất thương mại dịch vụ	13.215,1	7.929,06	5	60	5	2,65
5	Đất y tế	2.822,0	1.128,80	3	40	1,2	0,56
6	Đất nhà văn hóa	1.685,4	674,16	2	40	0,8	0,34
7	Đất trường học	14.423,2		3	60	2,4	2,89
-	<i>Trường mầm non</i>	4.375,4	2.625,24	3	60	2,4	0,88
-	<i>Trường liên cấp</i>	10.047,8	6.028,68	3	60	2,4	2,01
8	Đất Hạ tầng kỹ thuật tập trung	1.794,3		1	10	0,1	0,36
9	Đất bãi đỗ xe	1.781,4					0,36
10	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	130.322,2					26,09
	Tổng	499.569,7					100

9. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Quy hoạch tổ chức không gian đảm bảo yếu tố khoa học, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại và đồng bộ, đáp ứng tiêu chí của đô thị loại III và định hướng phát triển đô thị loại II của thành phố Hà Giang.

- Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị được bố trí hợp lý, thuận tiện và có sự kết nối với hạ tầng khu vực xung quanh.

- Các công trình được thiết kế xây dựng theo phong cách kiến trúc thống nhất, có quy định chặt chẽ về tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất... và đan xen với không gian xanh, đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng với môi trường thiên nhiên và liên kết với nhau tạo nên một quần thể kiến trúc hiện đại, hài hòa với cảnh quan. Các khu chức năng được bố trí thành từng tuyến, cụm trên cơ sở tận dụng các khu vực có địa hình bằng phẳng.

10. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

10.1. *Giao thông*: Mạng lưới đường giao thông bao phủ được toàn bộ các khu chức năng trong khu vực; được thiết kế với mục tiêu tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa khu ở với các khu vực lân cận, đảm bảo sự kết nối thuận lợi, hợp lý.

- Giao thông đối ngoại: Tuyến đường vành đai phía Nam thành phố chạy giáp ranh giới dự án có ký hiệu Mặt cắt 5-5: bề rộng lộ giới 16,5m, vỉa hè hai bên 2x3,75m, lòng đường rộng 9,0m. Có chức năng cảnh quan và phục vụ kết nối giữa khu vực quy hoạch với giao thông thành phố.

- Giao thông đối nội:

+ Mặt cắt 1-1: có lộ giới 30,0m; lòng đường rộng 2x9,0m; vỉa hè hai bên rộng 2x5,0m; dải phân cách giữa rộng 2,0m.

+ Mặt cắt 2-2: có lộ giới 20,5m; lòng đường rộng 2x5,25m; vỉa hè hai bên rộng 2x5,0m.

+ Mặt cắt 3-3: đường nội bộ có lộ giới 16,5m; lòng đường rộng 2x5,25m; vỉa hè hai bên rộng 2x3,0m.

+ Mặt cắt 4-4: đường nội bộ có lộ giới 13,5m; lòng đường rộng 2x3,75m; vỉa hè hai bên rộng 2x3,0m.

- Các tuyến đường trong khu đô thị được thiết kế mặt cắt ngang đường 02 mái dốc, độ dốc ngang 2% hướng về hệ thống hồ thu nước mưa hai bên, độ dốc ngang vỉa hè 1,5% hướng về phía lòng đường.

- Tốc độ thiết kế: đường khu vực là 30-40km/h; đường nội bộ là 20km/h.

- Độ dốc dọc được thiết kế trên cơ sở nền địa hình san lấp và đảm bảo thuận lợi cho thoát nước tự nhiên.

10.2. *San nền*:

- Phương án thiết kế dựa vào cao độ hiện trạng địa hình tự nhiên, giảm thiểu tối đa khối lượng đào đắp trên cơ sở mặt bằng hiện có.

- Nền sau khi san lấp đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mặt, tận dụng các hành lang thoát nước tự nhiên để thoát nước cho khu đô thị một cách thuận tiện nhất, không gây ngập lụt, ngập úng, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát hiện có của khu vực lân cận. Độ dốc đường thuận tiện cho thiết kế đường giao thông đô thị.

- Cao độ san nền hợp lý, đầu nổi thuận tiện với mạng giao thông bên ngoài, phù hợp với yêu cầu cao độ khống chế của khu vực.

- Một số vị trí có độ chênh cao lớn, tiến hành xây dựng các tường chắn. Tùy từng vị trí, chiều cao mà tường chắn có thể sử dụng vật liệu đá học hoặc bê tông cốt thép...

10.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Tận dụng địa hình tự nhiên trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo thoát nước mưa một cách triệt để trên nguyên tắc tự chảy. Mạng lưới thoát nước gồm các đường cống có chiều dài thoát nước ngắn nhất, thời gian thoát nước nhanh nhất, phù hợp với định hướng thoát nước trong quy hoạch chung, quy hoạch phân khu.

- Thoát nước mưa và nước thải được thiết kế các hệ thống thoát riêng.

- Hệ thống thoát nước mưa được đầu nối với hệ thống thoát nước khu vực, bố trí dọc các tuyến giao thông với chế độ thoát nước tự chảy, các ống ngang qua đường, ngã 3,4, bố trí phù hợp với thực tế tuyến cống và địa hình, đảm bảo thoát nước thuận lợi về hướng thoát nước chính, không gây hiện tượng đổi dòng chảy đột ngột gây tắc, ứ đọng dẫn đến việc thoát nước chậm.

- Cống thoát nước mưa là cống tròn bê tông cốt thép D600-D1500, được thiết kế dưới lòng đường đặt nằm sát bó vỉa, dưới tấm đan rãnh và xây dựng đồng thời với việc mở đường quy hoạch. Độ dốc cống thoát nước mưa bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, giảm khối lượng đào đắp. Độ dốc dọc tuyến cống tối thiểu là $1/D$ (D là đường kính ống) để đảm bảo nước tự chảy. Độ sâu chôn cống tại điểm đầu dưới lòng đường là 0,5m, trên vỉa hè là 0,3m.

- Bố trí hố ga, cửa thu nước theo tuyến ống trên vỉa hè theo cự ly tập trung nước thích hợp, có nắp đậy và lưới chắn rác, lọc cát, khoảng cách các hố ga từ 30-50m.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Nước sinh hoạt và chữa cháy dự kiến được lấy từ đường ống cấp nước chung của thành phố. Dự kiến các điểm đầu nối tại vị trí phía cầu mới xây dựng, phía trục đường Nguyễn Trãi sang và vị trí phía Đông Bắc dự án.

- Công suất cấp nước trong ngày sử dụng nước lớn nhất được tính toán là: $1.788 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Sơ đồ mạng và tuyến cấp nước: Mạng lưới đường ống phân phối kết hợp với mạng lưới dịch vụ.

+ Mạng lưới đường ống phân phối sử dụng ống D200, D150, D100 cấp nước đến mạng dịch vụ. Độ sâu đặt ống trung bình 0,8m.

+ Mạng lưới đường ống dịch vụ: là mạng cung cấp nước trực tiếp đến các đối tượng sử dụng. Các hộ sử dụng nước sẽ đấu trực tiếp vào những tuyến đường ống này với đường kính ống từ D25-D65 tùy theo nhu cầu sử dụng. Độ sâu đặt ống trung bình 0,5m.

- Chung loại vật tư trong hệ thống: Đối với đường kính ống >100mm dùng ống gang dẻo, với ống có đường kính <100mm dùng ống HDPE. Các hố van đáy đổ bê tông M150 thành xây gạch đặc VXM M75, đáy tấm đan BTCT M200.

- Cấp nước cứu hỏa: Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho khu dự án là hệ thống cấp nước cứu hỏa áp lực thấp. Mạng cấp nước chữa cháy kết hợp với cấp nước sinh hoạt, trên các đường ống có $D \geq 100$ mm thì bố trí trụ cứu hỏa. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa là 100 - 150 m, được đặt tại ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn để thuận lợi cho việc chữa cháy, lưu lượng chữa cháy là 15 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02 đám cháy.

10.5. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Đất nhà ở liền kề:	5 Kw/ hộ.
+ Nhà biệt thự:	7 Kw/ hộ.
+ Đất Y tế:	0,03 Kw/m ² sàn.
+ Đất công cộng (nhà văn hóa thôn):	0,03 Kw/m ² sàn.
+ Đất công trình giáo dục:	0,03 Kw/m ² sàn.
+ Đất cây xanh:	25 Kw/ha
+ Bãi đỗ xe:	12 Kw/ha.
+ Chiếu sáng đường:	12 Kw/ha.

- Tổng phụ tải của toàn khu vực được tính toán là: 9.984,28 kVA.

- Nguồn điện trung thế: Nguồn cấp điện trung thế từ hệ thống lưới điện 35kV chạy ngang qua phạm vi dự án. Đường dây trung thế được đấu nối vào tủ đóng ngắt trung thế (RMU) lắp đặt trong khu đô thị. Dự kiến đặt 07 trạm biến áp kios trong khu vực, các trạm có công suất 800kVA, 1000kVA, 1250kVA, 2000kVA-35(22)/0,4 kV. Các cấp điện trung thế được luồn trong các ống HDPE được lắp đặt sâu tối thiểu 1,0m dưới mặt đường.

- Nguồn điện hạ thế: Hệ thống điện hạ thế 3 pha 4 dây/380V hoặc 1 pha 2 dây/220V đấu nối từ các trạm biến áp. Cấp điện hạ thế được nối từ trạm biến thế đến các tủ điện bố trí dọc hành lang đi bộ của đường nội bộ và từ các tủ điện này đến các hộ tiêu thụ điện. Tất cả cấp điện được đặt trong ống HDPE chôn sâu dưới mặt đất 0,8m.

- Lưới điện chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng đường giao thông khu đô thị sử dụng các cột thép liền cần đơn hoặc cần đôi, mạ kẽm.

+ Tuyến đường có độ rộng lòng đường 10,5m dùng cột cao 11m; tuyến đường có độ rộng lòng đường 7,5m và nhỏ hơn thì dùng cột cao 8m. Đối với tuyến đường trục chính, có dải cây xanh giữa đường, sử dụng các trụ đèn cần đôi cao 11m. Khoảng cách các cột đèn là 30-35m.

+ Đèn đường dùng loại đèn LED với công suất từ 100W-150W, có ánh sáng trắng tự nhiên, công suất tiêu thụ thực tế giảm hơn 40%-50% so với đèn cao áp sodium đồng thời tuổi thọ cao hơn 4 lần. Chiều sáng cảnh quan dùng đèn trang trí sân vườn, giải pháp thiết kế chi tiết sẽ được thể hiện ở các giai đoạn sau.

+ Cấp điện chiếu sáng sử dụng loại cáp ngầm 0,6kV-Cu/XLPE/DSTA/PVC tiết diện từ $4 \times 10 \div 4 \times 16 \text{mm}^2$ luôn ống nhựa xoắn HDPE chôn ngầm đất.

10.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc bao gồm hệ thống điện thoại- internet và hệ thống truyền hình cáp. Đường tín hiệu từ các nhà cung cấp dịch vụ sẽ được đấu tại hộp nối dây chính nằm trong dự án. Tổng dung lượng điện thoại-Internet cấp cho toàn công trình được tính toán là: 2100 line.

11. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

11.1. Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng nước thải (được tính toán bằng 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt): $810 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Cống thoát nước thải được thiết kế tách riêng biệt với đường ống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng, nhà biệt thự các văn phòng và các trung tâm thương mại, nhà liên kế được thu bằng hệ thống cống kín đặt trên vỉa hè. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại của công trình, được thu theo hệ thống cống thoát nước thải riêng biệt đến trạm xử lý của khu đô thị nằm ở phía cuối khu đất (khu hạ tầng kỹ thuật). Công suất trạm xử lý $Q = 1000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Đường ống nước thải được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, tận dụng tối đa điều kiện địa hình để đặt ống.

- Mạng lưới thoát nước thải sử dụng ống BTCT D300-D500 loại C (loại chịu tải trọng H30), kèm theo đế cống được sản xuất tại nhà máy.

- Các hố ga bằng bê tông cốt thép hoặc xây gạch, được xây dựng tại những điểm cống thoát thay đổi hướng, thay đổi đường kính và độ dốc. Trên các đoạn ống đặt thẳng, xây dựng các hố ga có khoảng cách tùy thuộc vào cỡ đường kính ống, đối với ống D300-D500 khoảng cách là 20-30m.

11.2. Vệ sinh môi trường:

- Lượng thải chất thải rắn phát sinh: 1,0 kg/người-ngày. Nhu cầu thu gom chất thải rắn được tính toán là: 5,64 T/ngđ.



- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được tổ chức phân loại từ nguồn phát sinh thành hai loại chính là chất thải rắn vô cơ và hữu cơ, được thu gom và tập trung về các điểm cầu rác và sẽ được vận chuyển tới khu xử lý rác thải chung của thành phố.

- Dự kiến bố trí các thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy tại các khu nhà ở, các đường dạo... với bán kính phục vụ 100m để tiện cho việc thu gom rác.

12. Đánh giá tác động môi trường:

- Đánh giá tổng hợp các điều kiện tự nhiên, hiện trạng và động lực phát triển.

- Đánh giá phương án quy hoạch tổ chức không gian khu nhà ở, mặt bằng quy hoạch sử dụng đất và xây dựng mạng lưới kỹ thuật hạ tầng để xem mức độ tác động đến môi trường xung quanh.

- Phân tích có căn cứ khoa học những tác động tích cực và tiêu cực về môi trường mà hoạt động do khu nhà ở và khu công cộng, trường học gây ra.

- Xây dựng và đề xuất các biện pháp cụ thể để giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường, xử lý hợp lý các mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển và yêu cầu bảo vệ môi trường khu vực.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường, quản lý và quan trắc môi trường theo quy định hiện hành.

13. Nguồn vốn đầu tư:

Vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động khác. Tổng mức đầu tư được xác định tại bước lập dự án.

14. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch: Trung tâm quy hoạch và thiết kế đô thị - Viện Kiến trúc Quốc gia.

- Cơ quan thẩm định đồ án: Sở Xây dựng Hà Giang.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Hà Giang.

- Tiến độ thực hiện:

+ Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch: Quý I năm 2021.

+ Triển khai thực hiện quy hoạch: Sau khi công bố quy hoạch.

Điều 2. Chủ đầu tư đồ án quy hoạch phối hợp cùng Sở Xây dựng và UBND huyện Vị Xuyên, UBND thành phố Hà Giang có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch; Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; tập trung huy động vốn đầu tư để thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy hoạch được phê duyệt.

2. Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các ngành chức năng liên quan và nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí lập quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thành phố Hà Giang, Chủ tịch UBND huyện Vị Xuyên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu VT, KTTH, hs (10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Thị Minh Hạnh

